PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU TRONG CÁC THƯ VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

ThS Trần Mạnh Tuấn
Viện Thông tin Khoa học Xã hội

Phân nhóm các CSDL hiện có của Viện Thông tin Khoa học Xã hội theo phương pháp luận của Dự án CORC. Trên cơ sở phân tích hiện trạng, đề xuất các nguyên tắc trong xây dựng hệ thống CSDL của Viện.

Ngoài việc chú trọng phát triển các thư viện, trung tâm thông tin-thư viện thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ, "Quy hoạch phát triển ngành Thư viện Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020" cũng đã nêu rõ: "Từng bước rút ngắn khoảng cách về thông tin giữa nước ta với các nước trên thế giới trong lĩnh vực **thông tin khoa học xã hội.** Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin trong các khâu hoạt động của cơ quan **thông tin-thư viện khoa học xã hội và nhân văn".** Qua bài viết của Thạc sỹ Trần Mạnh Tuấn về Hệ thống CSDL trong các thư viện khoa học xã hội, Ban biên tập tạp chí "Thông tin và Tư liệu" hy vọng giúp Bạn đọc hình dung được phần nào những khó khăn và thuận lợi trong triển khai định hướng nói trên.

BBT

Hiện tại, trực thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam (Viện) có khoảng 30 thư viện, tạo thành mạng lưới thư viện về các ngành khoa học xã hội (KHXH). Điểm chung cơ bản, ngoài việc mạng lưới này tạo nên một bộ sưu tập tài liệu KHXH lớn nhất đất nước, còn ở chỗ: chúng đều trực thuộc một tổ chức nghiên cứu và đào tạo các ngành KHXH lớn nhất của quốc gia - Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Điều này có nghĩa là, sự phát triển về tổ chức và hoạt động của các thư viện này *cùng phụ thuộc* vào các quan điểm và chính sách đầu tư của Lãnh đạo Viện. Hay nói cách khác, dù muốn hay không, các thư viện này đều đã hoạt động theo một liên minh, một mạng lưới, và hơn nữa, một hệ thống các thư viện KHXH. Với quan niệm như vậy, ở bài viết này, cụm từ *các thư viện KHXH* được sử dụng để chỉ các thư viện thuộc Viện[1].

[1] Hiện nay Chính phủ đã cho phép thành lập Học viện Khoa học xã hội trực thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Tại đây, Trung tâm học liệu với chức năng bảo đảm thông tin cho hoạt động nghiên cứu-đào tạo sau đại học của các nghiên cứu sinh và giáo sư các ngành KHXH tất nhiên sẽ được hình thành. Khi đó, chắc chắn mạng lưới thư viện KHXH sẽ trở nên mạnh hơn và nhu cầu liên kết để tạo nên một hệ thống thông tin sẽ bức thiết hơn

Tại Viện Thông tin Khoa học Xã hội hiện có 16 CSDL đang được tạo lập, cập nhật. Trong đó:

- 1 CSDL thư mục (TM) được tạo lập trên cơ sở tích hợp các CSDLTM sách của các thư viện tại các viện nghiên cứu chuyên ngành trực thuộc Viện;

- 13 CSDLTM phản ánh các nguồn tin khác nhau và đặc thù hiện có tại Viện (CSDL thư mục ảnh, hương ước, thần tích-thần sắc,…);

- 2 CSDL toàn văn là *Tin nhanh* và *Báo cáo kết quả nghiên cứu*.

Loại trừ 2 CSDL toàn văn, 14 CSDLTM đều đang được khai thác trên mạng LAN tại trụ sở 26 Lý Thường Kiệt, Hà Nội.

Đồng thời, tại hầu hết các viện nghiên cứu chuyên ngành trực thuộc Viện, ngoài các CSDL thư mục phản ánh nguồn tài liệu là sách, tạp chí khoa học, đều có một số CSDL đặc thù. Ví dụ, các CSDL thư mục về luận án khoa học (thạc sỹ và tiến sỹ), các CSDL về nguồn tư liệu khảo sát, điều tra,… Có thể nói, hệ thống các loại CSDL được tạo lập và phát triển tại Viện rất đa dạng, phong phú, số lượng khá lớn và là một bộ phận quan trọng của nguồn tin khoa học quốc gia [8]. Việc duy trì và phát triển hệ thống CSDL này đòi hỏi nguồn đầu tư lớn và ổn định. Bởi vậy, việc nâng cao hiệu quả tạo lập, khai thác, sử dụng các CSDL trên đây cần sớm được đặt ra và triển khai. Việc này có thể được thực hiện theo nhiều cách tiếp cận khác nhau. Đối với chúng tôi, việc *phát triển hệ thống CSDL trong các thư viện KHXH* với cơ cấu các loại CSDL theo quan điểm của Online Computer Library Center (OCLC, Hoa Kỳ) cũng như quy hoạch các loại CSDL,… là hướng tiếp cận được quan tâm.

1. Phân nhóm các loại cơ sở dữ liệu trong thư viện

Cho đến nay, công việc này đã được thể hiện trong nhiều công trình nghiên cứu, các luận án, luận văn khoa học với quan niệm: CSDL là sản phẩm thông tin được sử dụng để kiểm soát, tìm kiếm, truy cập các nguồn tài liệu hiện được quản lý tại các cơ quan thông tin-thư viện thuộc Viện. Trong bài báo này, cách tiếp cận như trên không được áp dụng. Ở đây, chúng tôi tập trung nghiên cứu đối chiếu giữa *các CSDL hiện có* với *4 nhóm CSDL* được tạo lập theo thiết kế dịch vụ biên mục tích hợp (connexion) do OCLC triển khai. Dịch vụ này ra đời năm 1998 và phát triển mạnh dưới hình thức Dự án CORC (Co-operative Online Resource Catalog). Bốn nhóm CSDL theo Dự án CORC bao gồm: a) CSDL (thường là CSDL TM) trực tiếp phản ánh nguồn thông tin - bộ sưu tập thông tin - (Resource DB); b) CSDL quản lý người dùng và việc khai thác, sử dụng thông tin (Authority File); c) CSDL cung cấp danh mục và kết nối trực tiếp đến các nguồn tin trên mạng (Path-Finder File); d) CSDL quản lý DDC và LCSH (WebDewey) [4].

Cách khảo sát và đối chiếu như thế cho đến nay chưa từng được thực hiện.

Viện Thông tin Khoa học Xã hội, cũng như tất cả các thành viên khác của Hệ thống thông tin thư viện khoa học nước ta, mới tập trung vào việc phát triển một loại CSDL (gồm CSDL biệt lập và OPAC) tương ứng với nhóm CSDL phản ánh nguồn tin (nhóm a). Tại một số cơ quan lớn như Cục Thông tin KH&CN Quốc gia, Thư viện Quốc gia, ... việc xây dựng CSDL để quản lý người đọc đã được quan tâm, song mới chỉ mang tính nội bộ, được khai thác một cách tự trị và biệt lập với các CSDL khác (có thể coi chúng thuộc nhóm b ở mức giản lược). Các CSDL thuộc nhóm c và d đều chưa được tạo lập. Đây là một hạn chế lớn đối với hoạt động thông tin-thư viện khi vấn đề được xem xét dưới góc độ người dùng tin, nhà cung cấp và môi giới dịch vụ thông tin, người xây dựng chính sách, cũng như người làm nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Hệ thống CSDL nhóm c là công cụ quan trọng giúp người dùng trực tiếp khai thác thông tin trên mạng và trợ giúp tích cực cho các chuyên gia trong tìm kiếm, thu thập và phát triển nguồn tin trên cơ sở nguồn thông tin khổng lồ trên web. Đây là hệ thống CSDL siêu dữ liệu về nguồn tài nguyên trên mạng, giúp các chuyên gia thông tin-thư viện định hướng và bảo trì việc tích hợp nguồn tin mình tạo ra với nguồn tin bên ngoài. Về thực chất, nhóm CSDL này, theo Eric Childress - chuyên gia OCLC, là một *tập hợp danh sách liên kết các nguồn tin đã lựa chọn trên mạng và được biên tập lại theo mục đích cụ thể*. Ở giai đoạn hiện nay, khi tập trung phát triển CSDL nhóm c, cần chú ý tới sự xuất hiện và khả năng ứng dụng hệ thống chỉ số DOI (Digital Object Identifier), một công cụ xác định tài liệu trên mạng rất hữu dụng[2].

CSDL WebDewey (nhóm d) có 2 ý nghĩa quan trọng và chủ yếu: đối với chuyên gia thông tin-thư viện trong quá trình biên mục, nó là công cụ hạt nhân của dịch vụ biên mục tích hợp Connexion của OCLC; và đối với người dùng tin, nó hữu ích trong quá trình khai thác tin trên mạng. Ở nước ta, do CSDL thuộc nhóm này chưa được xây dựng, nên vấn đề tự động hoá trong quá trình xử lý thông tin chưa thể được triển khai, cũng chưa thể nói đến việc tạo lập hoặc kiểm soát sự tương thích giữa các quá trình xử lý thông tin với nhau (việc xử lý thông tin tại các cơ quan thông tin-thư viện khác nhau) cũng như giữa quá trình xử lý thông tin với quá trình tìm tin sau này. Điều đó, đến lượt mình, làm hạn chế đáng kể hiệu quả và khả năng khai thác các nguồn/hệ thống thông tin ở nước ta nói chung và tại Viện nói

[2] DOI là tên của một tài liệu/đề mục trên mạng, là một hệ thống nhận dạng có tính ổn định lâu dài (mang tính chất của loại ngôn ngữ hậu kết hợp), và là hệ thống thực hiện chức năng trao đổi tương tác các thông tin số hoá đã được quản lý trên mạng (Xem http:// www.doi. org/).

riêng. Vấn đề này đã từng được nêu lên[3], song hầu như chưa nhận được sự quan tâm của các đồng nghiệp. Tuy nhiên, sự khác biệt khi đề cập tới vấn đề trên chính là nội dung được giải quyết trong khuôn khổ dự án CORC, WebDewey là CSDL quản trị DDC và LCSH, các ngôn ngữ tư liệu mang tính chất ngôn ngữ tiền kết hợp (pre-coordinated), còn trong các đề tài nghiên cứu mà chúng tôi đã thực hiện, CSDL quản trị từ khoá địa danh Việt Nam, là công cụ để kiểm soát một loại thesaurus đặc biệt và là loại ngôn ngữ hậu kết hợp (post-coordinated). Vì lý do đó, và vì các đơn vị từ vựng của ngôn ngữ này được xây dựng từ ngôn ngữ tự nhiên của người dùng tin, nên CSDL này có ý nghĩa và tác động không chỉ đối với người xử lý thông tin, mà còn đối với người tìm tin sau này, và là công cụ quan trọng kiểm soát, bảo trì sự tương tác giữa các quá trình xử lý thông tin và tìm tin.

2. Vấn đề phát triển hệ thống CSDL tại Viện Khoa học xã hội Việt Nam

Trong hệ thống CSDL thư mục được tạo lập và khai thác tại Viện có sự trùng lặp rất lớn, do đó, dẫn đến tổn hao nguồn lực và giảm đáng kể hiệu quả đầu tư nói chung. Vì vậy, Viện Thông tin Khoa học Xã hội, với tư cách là cơ quan giúp Chủ tịch Viện điều phối hoạt động thông tin-thư viện KHXH, cần sớm tìm ra các giải pháp khắc phục thực trạng trên.

Cần lưu ý rằng, các nguồn tin cần được kiểm soát trong lĩnh vực KHXH đều rất lớn, đa dạng và có độ phân tán cao (được tạo ra vào mọi lúc, ở mọi nơi, bởi mọi chủ thể,...). Do đó, hệ thống CSDL phản ánh chúng – các CSDL nhóm a – rất lớn, cồng kềnh và gồm nhiều loại khác nhau, chứ không đơn thuần chỉ là các CSDL thư mục phản ánh nguồn tài liệu dạng sách, tài liệu trong một số ít tạp chí khoa học như hiện có. Tại Viện, *hiện còn rất nhiều loại nguồn thông tin đặc thù khác* chưa được kiểm soát bởi các CSDL tương ứng. Ví dụ, các bộ phận khác nhau tạo nên nguồn tin khoa học nội sinh. Điều này đã được phản ánh trong một đề tài nghiên cứu năm 2006 [9].

Mỗi loại cơ quan thông tin-thư viện, trên cơ sở chức năng-nhiệm vụ, lại có ưu thế trong việc quản lý và cung cấp các dịch vụ liên quan với loại nguồn thông tin xác định[4]. Chính vì thế, việc tạo lập CSDL ở những cơ quan thông tin-thư viện khác nhau cũng có những khác biệt. Mục đích của sự khác biệt ấy là để việc khai thác nguồn thông tin tại mỗi cơ quan này đạt mức cao nhất có thể, nhờ thế, khả năng chia sẻ nguồn tin giữa các cơ quan thông

[3] Nghiên cứu, xây dựng phương pháp sử dụng từ khoá địa danh Việt Nam trong các CSDL tại Viện Thông tin KHXH: Đề tài nghiên cứu cấp Viện.- H.: Viện TTKHXH. 2005. 98 tr. Một số kết quả nghiên cứu và khuyến nghị đã được công bố trên các tạp chí như *Thông tin và Tư liệu*, *Thông tin Khoa học xã hội*,...(Cùng tác giả).

[4] Xem Guichat, Menou General Introdution to Information Works.- Paris: UNESCO. 1988. 353 p.

tin-thư viện được thực hiện một cách lâu dài, bền vững. Điều đó cho phép một số cơ quan, trong quá trình liên kết và chia sẻ nguồn lực với nhau, giúp nhau khai thác được đầy đủ nguồn tài nguyên mà đã được mỗi nơi tạo lập.

Trong phát triển hệ thống CSDL thư mục, cần chú ý phát triển các loại CSDL thư mục phản ánh các chuyên đề đang thu hút sự quan tâm của giới nghiên cứu, ví dụ, các chuyên đề *văn hoá và phát triển, toàn cầu hoá, nghiên cứu Việt Nam,...* Về vấn đề này, có thể tham khảo thêm các nguyên lý xây dựng hệ thống chuyên đề trong quá trình triển khai *dịch vụ cung cấp thông tin theo chuyên đề*, một loại dịch vụ thông tin đang thu hút sự quan tâm của đông đảo các nhà khoa học. Ngoài ra, trong quá trình phát triển hệ thống CSDL thư mục chuyên đề, cần đặc biệt quan tâm tới sự liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa Viện Thông tin KHXH và các cơ quan thông tin-thư viện chuyên ngành thuộc các tổ chức nghiên cứu, đào tạo về KHXH, trước hết là các đại học đa ngành lớn như Đại học Quốc gia của Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh và các vùng,...

Để tiến tới xây dựng quy hoạch phát triển các CSDL thư mục phản ánh nguồn thông tin tài liệu về KHXH của nước ta cần nhận diện đầy đủ sự phân bố của nguồn tin này theo nhiều khía cạnh khác nhau. Viện là tổ chức khoa học lớn nhất có chức năng tạo ra nguồn thông tin về KHXH - bộ phận lớn và quan trọng của nguồn thông tin khoa học *nội sinh* của quốc gia. Chính vì thế, quan điểm và kế hoạch phát triển các CSDL thư mục, với tư cách công cụ thực hiện chức năng kiểm soát thư mục nguồn thông tin KHXH của quốc gia của Viện, có ý nghĩa và vị trí đặc biệt quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển ngân hàng thông tin khoa học quốc gia.

Viện Thông tin Khoa học Xã hội cần nghiên cứu, xây dựng và đề xuất hướng phát triển các CSDL thư mục *bao quát các bộ phận khác nhau trong nguồn tin khoa học nội sinh* tại Viện. Ví dụ, CSDL thư mục phản ánh các luận án/luận văn khoa học, báo cáo kết quả nghiên cứu, nguồn học liệu được tạo lập và sử dụng trong hoạt động đào tạo, thuyết minh đề tài nghiên cứu, các dự án điều tra cơ bản, hệ thống tư liệu điền dã của các ngành KHXH, CSDL dữ kiện về các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực KHXH, CSDL về các CSDL trong lĩnh vực KHXH (CSDL siêu dữ liệu),... Trước mắt, đối với CSDL thư mục quản lý tài liệu là sách và tạp chí trong lĩnh vực KHXH của nước ta, có thể được tạo nên từ các CSDL thư mục quốc gia do Thư viện Quốc gia Việt Nam xây dựng và phổ biến. Tạo lập và phát triển hệ thống CSDL theo hướng đó cũng có nghĩa là tiến hành các bước chuẩn bị cần thiết để thực hiện việc chia sẻ nguồn lực giữa các thành viên trong Hệ thống thông tin-thư viện trên phạm vi quốc gia.

Nếu việc tạo ra nguồn tin KHXH

được thực hiện bởi tất cả các tổ chức nghiên cứu và đào tạo của Việt Nam, thì rõ ràng quan điểm và kế hoạch tạo lập, phát triển hệ thống CSDL thư mục về KHXH cũng phải được xây dựng trên cơ sở thực tiễn này. Điều đó cho thấy, trong quá trình xây dựng và phát triển các CSDL thư mục về KHXH ở nước ta, cần xác định rõ và hợp lý vai trò, vị trí của Viện Thông tin Khoa học Xã hội, các cơ quan thông tin-thư viện chuyên ngành KHXH và các tổ chức nghiên cứu-đào tạo hữu quan khác của cả nước. Điều này hoàn toàn có thể thực hiện được trên cơ sở các điều kiện và giải pháp về công nghệ hiện tại: sự ra đời của Internet và các chuẩn trong xử lý, bao gói thông tin đã cho phép thông tin được phát triển và quản lý một cách phân tán và việc khai thác, truy cập thông tin được thực hiện một cách thuận lợi không bị lệ thuộc vào yếu tố không gian và thời gian.

Tựu chung, quy hoạch xây dựng hệ thống CSDL thư mục tại Viện cần được dựa trên những nguyên tắc sau:

- Tập trung xây dựng hệ thống CSDL thư mục phản ánh nguồn tin được tạo ra – thông tin về các kết quả hoạt động khoa học - tại Viện;

- Xây dựng một số quy định/chuẩn thống nhất cho việc trình bày và xử lý đối với mỗi loại nguồn thông tin được tạo ra tương ứng với mỗi loại kết quả hoạt động khoa học: nghiên cứu khoa học, quản lý khoa học, điều tra cơ bản, điền dã, đào tạo, hợp tác quốc tế, hội thảo và hội nghị khoa học,…;

- CSDL thư mục được tạo lập tại chính nơi tạo ra nguồn tin chúng phản ánh.

Cần xây dựng một số CSDL có chức năng quản trị các công cụ xử lý thông tin đang được sử dụng phổ biến trong Hệ thống thông tin-thư viện quốc gia – CSDL tương ứng với nhóm c. Ví dụ, các CSDL quản trị Bảng phân loại DDC đã được dịch sang tiếng Việt (WebDewey cho phiên bản tiếng Việt), CSDL quản trị khung đề mục chủ đề do Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ xây dựng và phổ biến (LCSH - khi hệ thống này được dịch sang tiếng Việt) và các CSDL quản trị các loại ngôn ngữ tư liệu phổ biến khác trong các cơ quan thông tin-thư viện KHXH: hệ thống từ khoá có kiểm soát nói chung (thesaurus trong các ngành KHXH), các hệ thống từ khoá địa danh, từ khoá thời gian,...

Nếu như, kế hoạch phát triển các CSDL tương ứng với nhóm a được thực hiện chủ yếu bởi các cơ quan thông tin-thư viện chuyên ngành (nơi tạo ra nguồn tin khoa học nội sinh), thì nhiệm vụ chủ yếu trong việc tạo lập và phát triển các CSDL tương ứng với nhóm c lại thuộc về Viện Thông tin Khoa học Xã hội – cơ quan có chức năng điều phối và đóng vai trò đầu ngành của Hệ thống thông tin-thư viện KHXH, có chức năng nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực thông tin-thư viện của nước ta.

Tính chất khó khăn và phức tạp trong việc thực hiện nhiệm vụ này là ở chỗ: việc xây dựng các CSDL quản trị

các loại ngôn ngữ tư liệu chưa hề được giải quyết trong thực tiễn công tác thông tin-thư viện nước ta, hơn nữa, bản thân các bài toán cần giải quyết vô cùng phức tạp. Ví dụ, CSDL quản trị từ khoá địa danh Việt Nam cần phải xử lý được tình huống rất phổ biến là sự thay đổi địa danh hành chính qua thời gian, hoặc quan hệ rất phức tạp giữa địa danh hành chính và địa danh phi hành chính,... qua việc xác lập quan hệ giữa các loại dữ liệu liên quan một cách phù hợp,... Hơn nữa, chúng lại phải được tích hợp vào hệ thống các loại CSDL khác (trước hết tương ứng với nhóm a), và chỉ khi đó, mới trở thành công cụ trợ giúp người dùng theo đúng ý nghĩa, mục đích và đòi hỏi của điều đó. Trước mắt, Viện Thông tin Khoa học Xã hội cần sớm nghiên cứu, thiết kế và xây dựng CSDL quản trị từ khoá địa danh Việt Nam, và xem đó là một công cụ quan trọng trợ giúp cho các quá trình xử lý thông tin (định từ khoá địa lý) cũng như tìm tin theo dấu hiệu địa danh Việt Nam.

Vấn đề quy hoạch và phát triển hệ thống CSDL nêu trên, ngay từ các nghiên cứu thử nghiệm, đã rất phức tạp. Nhưng nếu không triển khai, không xây dựng và duy trì sự phối hợp bền vững giữa các cơ quan, nếu không tận dụng công sức, trí tuệ hợp lý cả ở trong và ngoài nước, thì không thể tạo nên đổi mới, bước phát triển về chất trong hoạt động thông tin-thư viện nước ta. Đây là nhiệm vụ của các nhà nghiên cứu, cán bộ chuyên môn của cơ quan thông tin-thư viện, đồng thời cũng là nhiệm vụ của người làm công tác quản lý nhà nước về hoạt động thông tin-thư viện, về ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông nói chung.

3. Kết luận

Ở nước ta hiện nay, khi đề cập tới hệ thống thư viện và cơ quan thông tin phục vụ nghiên cứu và đào tạo, các phân hệ sau đây đóng vai trò trụ cột:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam và hệ thống thư viện khoa học tổng hợp của các tỉnh/thành phố;

- Cục Thông tin KH&CN quốc gia, các trung tâm thông tin chuyên dạng và hệ thống trung tâm thông tin khoa học trực thuộc sở KH&CN các tỉnh/thành phố;

- Thư viện KHXH và hệ thống trên 30 trung tâm thông tin-thư viện KHXH trực thuộc Viện KHXH Việt Nam;

- Trung tâm Thông tin khoa học và các thư viện của các viện nghiên cứu thuộc Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

- Các trung tâm thông tin-thư viện, thư viện , trung tâm học liệu tại các trường đại học, viện nghiên cứu,…

Theo thống kê sơ bộ, số lượng các cơ quan trên ước khoảng 800 - 900. Một trong những nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của hầu hết các cơ quan này là xây dựng, cập nhật và tổ chức khai thác các loại CSDL. Điều dễ nhận thấy là, nếu không có một quy

hoạch hợp lý thì việc trùng lặp, chồng chéo trong quá trình xây dựng và phát triển các loại CSDL tất sẽ xảy ra, và hơn nữa, hệ số trùng lặp (số biểu ghi ứng với một tên tài liệu) trong các CSDL rất cao. Mặt khác, do việc xây dựng CSDL được triển khai một cách tự phát, ít nhất là giữa các phân hệ, nên dễ dẫn đến trở ngại khó vượt qua khi tích hợp các CSDL này vào một ngân hàng dữ liệu quốc gia.

Có thể dễ nhận thấy, trong phạm vi Hệ thống các thư viện và cơ quan thông tin khoa học của quốc gia, cũng như trong phạm vi hoạt động nghiên cứu và đào tạo, các vấn đề như đã nêu không thể và không chỉ được xem là nhiệm vụ của bất kỳ một hay một số ít cơ quan, mà cần được xem là nhiệm vụ chung và lâu dài của mọi thành viên Hệ thống. Các cơ quan thông tin-thư viện KHXH, cũng như các phân hệ khác của Hệ thống, cần đặc biệt quan tâm tới vấn đề này. Trước hết là bởi sự liên kết về mặt nhận thức và các hoạt động khoa học cụ thể giữa các phân hệ này với nhau, giữa các thành viên của mỗi phân hệ nêu trên, đều chưa trở thành nền nếp, và do đó, hiệu quả mang lại rất hạn chế. Trong khi đó, sự liên kết giữa nghiên cứu và đào tạo giữa các trường đại học, viện nghiên cứu đang trở nên rất chặt chẽ, nghĩa là nhu cầu kết nối giữa các chủ thể trên từ phía người dùng tin đã rất rõ rệt. Có nhiều hoạt động phản ánh sự liên kết phối hợp giữa các phân hệ khác với các thành viên của phân hệ tại Viện, trong đó, phối hợp cùng nhau phát triển các nguồn thông tin dạng số, phát triển hệ thống các loại CSDL thành phần theo mô hình của dự án CORC là các nội dung có tác động và ý nghĩa rất đặc sắc. Hy vọng rằng, điều đó sớm trở thành hiện thực.

Tài liệu tham khảo

1. Durbin R., Nalen J., Pitre N . E-Book collection development and management: The quandary of establishing policies and guidelines for academic library collections .// Advances in Library Administration and Organization, Volume 19, 2002, pp. 59-84.

2. Hanrong Wang, Guiling Niu and William J. Hubbard. Current status of reference services in academic libraries in mainland China: A web analysis.// The International Information & Library Review, Volume 36, Issue 2, June 2004, pp. 105-110.

3. Hoàng Lê Minh. Dự án Hệ thống thông tin thư viện điện tử liên kết các trường đại học và việc tăng cường tiềm lực khoa học-công nghệ cho phát triển kinh tế-xã hội tại thành phố Hồ Chí Minh. 2003.

4. Introduction to CORC: http://staff.oclc.org /oclc/research/projects/core/

5. King D.W. Some Thoughts on Academic Library Collections.// The Journal of Academic Librarianship, Volume 30, Issue 4, July 2004, pp. 261-264.

6. McDonald A.. Planning academic library buildings for a new age: Some principles, trends, and developments in the United Kingdom .// Advances in Librarianship, Volume 24, 2000, pp. 51-79.

7. Phát triển và chia sẻ nguồn tài nguyên số trong các thư viện đại học và nghiên cứu: Kỷ yếu Hội thảo khoa học-do Liên hiệp Thư viện đại học khu vực phía Bắc tổ chức tại Hà Nội ngày 18/12/2009. 128 tr.

8. Nghiên cứu, xây dựng hệ thống sản phẩm và dịch vụ thông tin tại Viện Khoa học xã hội Việt Nam giai đoạn hiện nay: Đề tài nghiên cứu cấp Bộ./ Chủ trì: Trần Mạnh Tuấn.- H.: Viện Khoa học xã hội Việt Nam. 2008. 187 tr.

9. Thực trạng và các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác nguồn tin khoa học nội sinh tại Viện Khoa học xã hội Việt Nam: Đề tài nghiên cứu cấp Bộ./ Chủ trì: Trần Mạnh Tuấn- H.: Viện Khoa học xã hội Việt Nam. 2006. 180tr.